TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/LĐ-PT
Ngày 25-6-2020
V/v tranh chấp về BHXH, BHYT, BHTN và trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Lương Ngọc Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLPT-LĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 05/2019/LĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận DK, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Quách Thị L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố TG, phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, nơi cư trú: Tổ 18, cụm 3, phường NS, quận KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Bị đơn*: Công ty TNHH ĐV (viết tắt là Công ty ĐV); địa chỉ trụ sở: Số 1166 NBK, phường ĐH 2, quận HA, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đoàn Anh T, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Nhà máy Giày LD - Công ty TNHH ĐV (theo Giấy ủy quyền số 51/GUQ-ĐV ngày 14/05/2020); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: BHXH thành phố Hải Phòng; địa chỉ trụ sở: Số 2A Thất Khê, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Người đại diện hợp pháp của BHXH thành phố Hải Phòng: Bà Đinh Thị Lan H1, chức vụ: Trưởng phòng Quản lý thu; ông Phạm Văn M, chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý thu; bà Nguyễn Thị Quỳnh T; chức vụ: Phó trưởng phòng Quản lý thu; đều có địa chỉ: Số 2A Thất Khê, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền số 1656/UQ-BXH ngày 22/8/2019); đều vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Chị Quách Thị L là Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung nguyên đơn phía trình bày:

Ngày 21/10/2015, chị Quách Thị L được nhận vào làm việc tại nhà máy Giầy LD thuộc Công ty TNHH ĐV, ngày 08/8/2018 Chị L nghỉ việc theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động (viết tắt là HĐLĐ) số 74 ngày 14/7/2018 của Giám đốc Công ty TNHH ĐV. Trong sổ bảo hiểm xã hội của Chị L thể hiện Chị L chỉ tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2017 đến hết tháng 6/2018. Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2017 là 4.012.500 đồng, năm 2018 là 4.258.600 đồng, ngoài ra Chị L không được nhận tiền lương của tháng 7/2018 và không được nhận chế độ trợ cấp thôi việc nên Chị L khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc Công ty ĐV phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 10/2015 đến hết tháng 11/2017.

2. Đóng bổ sung số tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN còn thiếu trong các tháng từ tháng 12/2017 đến hết tháng 6/2018.

3. Trả tiền lương tháng 6/2018 là 7.350.000 đồng và lãi do chậm trả lương từ tháng 6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm

4. Yêu cầu Công ty phải trả tiền trợ cấp thôi việc cho Chị L hoặc phải bồi thường khoản trợ cấp thất nghiệp đáng ra Chị L được hưởng trong thời gian 33 tháng

5. Yêu cầu cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng có trách nhiệm truy thu số tiền do Công ty TNHH ĐV trốn đóng, đóng thiếu tiền Bảo hiểm xã hội, BHYT,

BHTN, BHTN-BNN cho quỹ BHXH và cấp lại sổ BHXH cho bà Lý theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH ĐV trình bày:

1. Đối với yêu cầu truy nộp BHXH cho Chị L: Công ty xác nhận Chị L có làm việc tại nhà máy giầy LD thuộc Công ty TNHH ĐV ngày 21/10/2015 (trong đó có thời gian học nghề 01 tháng từ 21/10/2015 đến 21/11/2015), theo quy định Chị L được tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày 01/12/2015 nhưng do sơ xuất, Công ty chưa lập danh sách tham gia BHXH cho Chị L, nên công ty đồng ý đóng bổ sung BHXH, BHYT, BHTN cho Chị L trong thời gian từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017 tổng cộng là 24 tháng, Công ty sẽ có trách nhiệm đóng cho người lao động số tiền trên cho Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng để đảm bảo quyền lợi của người lao động. Bên cạnh đó công ty cũng yêu cầu người lao động phải đóng cho Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng số tiền tương đương với 10,5% tiền lương người lao động phải nộp cho 24 tháng trên để công ty hoàn thiện thủ tục xin đóng bổ sung bảo hiểm cho Chị L trong thời gian trên.

2. Đối với yêu cầu trả tiền lương tháng 6/2018 là 7.350.000 đồng và tiền lãi của việc chậm trả lương tháng 6/2018: Trong tháng 6/2018 Chị L làm việc từ ngày 01 đến ngày 25 tổng là 21 ngày làm việc, theo hợp đồng lao động thì lương của Chị L là 4.258.600 đồng, do Chị L chưa làm hết tháng 6/2018 đã tự ý nghỉ việc nên công ty chưa chi trả lương của những ngày làm việc trong tháng 6/2018 của Chị L vì vậy công ty đồng ý trả lương của tháng 6 cho Chị L bằng 1 tháng lương như đã thỏa thuận trong phụ lục hợp đồng là 4.258.600 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

3. Đối với mức lương đóng BHXH từ tháng 12/2017 đến hết tháng 6/2018, Công ty đã căn cứ vào mức lương thỏa thuận trên hợp đồng lao động ký giữa Chị L và Công ty để đóng BHXH là đúng nên không có căn cứ chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn. Riêng đối với năm 2017, theo phụ lục hợp đồng lao động thì Chị L được phụ cấp tiền nặng nhọc độc hại là 5% nhưng do sơ xuất công ty mới đóng BHXH cho Chị L theo mức lương ghi trên hợp đồng vì vậy công ty đồng ý đóng bổ sung BHXH cho Chị L đối với 5% phụ cấp lương theo quy định của pháp luật.

4. Đối với yêu cầu Công ty phải trả tiền trợ cấp thôi việc cho Chị L hoặc phải bồi thường khoản trợ cấp thất nghiệp đáng ra Chị L được hưởng trong thời gian 33 tháng: Công ty đã đồng ý đóng bổ sung thời gian tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho Chị L nên không đồng ý yêu cầu về việc trả tiền trợ cấp thôi việc và bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp của Chị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng trình bày:

Người lao động có hợp đồng lao động từ đủ 03 tháng trở lên (trước thời điểm 01/01/2018), có đi làm, có hưởng lương thuộc đối tượng bắt buộc phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Căn cứ vào Hợp đồng lao động ký giữa giữa

Chị L và Công ty TNHH ĐV thì trường hợp Chị L thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Mức đóng BHXH, BHYT, BHTN được tính trên mức lương theo hợp đồng lao động, cụ thể là lương và các khoản phụ cấp lương. Nếu có căn cứ xác định người sử dụng lao động và người lao động thuộc trường hợp phải đóng BHXH, BHYT, BHTN thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật yêu cầu Người sử dụng lao động và người lao động đóng BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định. Sau khi người sử dụng lao động và người lao động đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định thì Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng sẽ cấp lại sổ bảo hiểm xã hội cho Chị L theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân quận DK đã quyết định:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 48, Điều 186 Bộ luật Lao động; các Điều 91, 92, 94 Luật BHXH năm 2006; các Điều 85, 86, 87, 89 Luật BHXH năm 2016; Nghị định 05/2015/NĐ-CP; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH ĐV phải truy đóng BHXH, BHYT chưa đóng cho người lao động tương ứng với thời gian chưa đóng và chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho chị Quách Thị L. Buộc Công ty TNHH ĐV phải nộp bổ sung BHXH, BHYT của chị Quách Thị L cho Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng từ thời gian tháng 12 năm 2015 đến hết tháng 12 năm 2017 như sau: Năm 2015: 01 tháng x 3.317.000 đồng x 22% = 729.740 đồng; Năm 2016: 12 tháng x 3.745.000 đồng x 22% = 9.886.800 đồng; Từ tháng 01 đến tháng 11 năm 2017: 11 tháng x 4.213.125 đồng x 22% = 10.195.762 đồng; Tháng 12 năm 2017: 200.625 đồng x 22% x 01 tháng = 44.137 đồng; Tổng cộng = 20.856.400 đồng. Buộc Chị L phải đóng tiền BHXH tương đương với 24 tháng cho Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng cụ thể như sau: Năm 2015: 01 tháng x 3.317.000 đồng x 10,5% = 348.285 đồng; Năm 2016: 12 tháng x 3.745.000 đồng x 10,5% = 4.718.700 đồng; Từ tháng 01 đến tháng 11 năm 2017: 11 tháng x 4.012.500 đồng x10,5% = 4.866.160 đồng; Tháng 12 năm 2017: 200.625 đồng x 10,5% x 01 tháng = 21.065 đồng; Tổng cộng = 9.954.210 đồng.

Công ty TNHH ĐV và Chị L còn phải chịu lãi suất do chậm đóng BHXH với lãi suất theo quy định của pháp luật BHXH tương ứng với thời gian chậm đóng. Khoản tiền này được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Buộc Công ty TNHH ĐV phải trả lương của tháng 6/2018 cho chị Quách Thị L là 4.258.600 đồng và 603.300 đồng tiền lãi chậm trả tính từ tháng 7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Buộc Công ty TNHH ĐV phải trả tiền trợ cấp thôi việc cho chị Quách Thị L là 1.064.650 đồng và 141.950 đồng tiền lãi chậm trả tính từ tháng 7/2018 đến

ngày xét xử sơ thẩm. Tổng cộng Công ty TNHH ĐV phải trả cho chị Quách Thị L là 6.033.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/12/2019, Tòa án nhân dân quận DK đã nhận được Đơn kháng cáo không đề ngày của chị Quách Thị L. Việc kháng cáo của Chị L là quá thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên, sau khi xem xét lý do kháng cáo quá hạn, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của Lý. Theo đó, việc kháng cáo của chị Quách Thị L được xem xét, giải quyết. Nội dung kháng cáo của nguyên đơn: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 05 ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân quận DK do Bản án sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, sai lầm trong việc đánh giá, sử dụng tài liệu, chứng cứ và áp dụng pháp luật; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có bản Luận cứ thể hiện quan điểm:

Thứ nhất, Bản án sơ thẩm đã vi phạm tố tụng đặc biệt nghiêm trọng; bởi:

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là BHXH thành phố Hải Phòng không tham gia tố tụng: Tòa án đã bổ sung BHXH thành phố Hải Phòng tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng BHXH thành phố không có "ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn"; bà Đinh Thị Lan H1, Nguyễn Thị Quỳnh C và ông Phạm Văn M không phải người đại diện hợp pháp của BHXH thành phố bởi hồ sơ vụ án không có văn bản ủy quyền và việc ủy quyền được dùng chung cho ít nhất 06 vụ án khác nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các ông M, bà C, H1 đều vắng mặt nhưng Tòa án không có bất kỳ biện pháp nào buộc BHXH phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự. Văn bản ủy quyền (nếu có) được lập trước ngày BHXH thành phố tham gia tố tụng 01 tháng 28 ngày và tại Biên bản công khai chứng cứ không có tài liệu này.

+ Tòa án không giải quyết hết yêu cầu của nguyên đơn: Trong đơn khởi kiện, Chị L yêu cầu BHXH có trách nhiệm truy thu số tiền do Công ty trốn đóng, đóng thiếu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; cấp lại sổ bảo hiểm xã hội cho Chị L nhưng BHXH không có ý kiến về yêu cầu này của Chị L và Bản án cũng không giải quyết yêu cầu này của Chị L dẫn đến Bản án không thể thi hành được. Tòa án chỉ giải quyết yêu cầu bị đơn có trách nhiệm truy đóng số tiền BHXH còn

thiếu từ tháng 10/2015 đến tháng 11/2017 mà không giải quyết yêu cầu truy đóng số tiền BHXH còn thiếu từ tháng 12/2017 đến tháng 6/2018. Vụ án được xét xử ngày 14/11/2019 nhưng đến ngày 13/12/2019 Chị L mới nhận được Bản án hơn nữa, nội dung Bản án không rõ ràng nên Chị L đã có đơn đề nghị giải thích Bản án nhưng không được Tòa án giải thích.

+ Tòa án đưa vụ án ra xét xử không cần tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn không được tiếp cận tài liệu, chứng cứ mặc dù đã có đơn đề nghị sao chụp tài liệu nhưng đến nay Tòa án không thông báo cho ông để thực hiện việc sao chụp. Phiên họp công khai chứng cứ chưa có tài liệu, chứng cứ, các bên đương sự vắng mặt nên không thể thực hiện phiên họp. Tại phiên họp ngày 08/10/2019, nguyên đơn đã đề nghị Tòa án yêu cầu BHXH thành phố, bị đơn cung cấp một số tài liệu là văn bản nêu ý kiến và các Hợp đồng học nghề, Hợp đồng lao động, thang bảng lương... nhưng Tòa án lại ra Quyết định xét xử ngay. Vụ án được xét xử nhưng hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào nên nguyên đơn đã nhiều lần đề nghị hoãn phiên tòa để các bên cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên mặc dù hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nhưng Tòa án vẫn xét xử theo hướng tước đoạt quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

+ Nghĩa vụ chứng minh trong vụ án lao động là của bị đơn nhưng Tòa án lại nhận định nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh là trái quy định của pháp luật. Trong khi đó, các tài liệu do nguyên đơn nộp đều bị Tòa án bác bỏ, Tòa án chỉ sử dụng các tài liệu photo bất lợi cho Chị L.

+ Tòa án cấp sơ thẩm có sự sai lầm trong việc áp dụng pháp luật: Tòa án buộc Chị L phải truy nộp và chịu lãi suất đối với số tiền do Công ty trốn đóng BHXH là không đúng bởi không có tài liệu thể hiện Công ty đã trừ tiền lương hàng tháng để đóng BHXH cho Chị L và việc không đóng BHXH hoàn toàn do lỗi của công ty không phải do Chị L. Mặt khác, không có quy định nào của pháp luật buộc người lao động phải truy nộp tiền BHXH kể cả trường hợp người sử dụng lao động không trích từ tiền lương hàng tháng của Chị L. Tòa án viện dẫn pháp luật không đúng theo hướng bênh vực bị đơn: Tòa án cố tình viện dẫn sai cụm từ "theo quy định của pháp luật về lao động" thành cụm từ "ghi trong hợp đồng lao động" và sử dụng hợp đồng lao động photo để nhận định, quyết định bất lợi, thiệt hại cho Chị L.

+ Tòa án ra Bản án trái pháp luật: Không căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn không được tiếp cận tài liệu chứng cứ. BHXH thành phố không có ý kiến bằng văn bản, vắng mặt nhưng tòa án bịa ra ý kiến của BHXH thành phố; Bản án có nội dung sao chép từ Bản án số 04/2019/LĐ-ST ngày 07/11/2019 có nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N, nhiều nội dung nhận định liên quan đến chị N. Bản án không quyết định nội dung Bản án được thi hành ngay kể

cả trường hợp Bản án bị kháng cáo, kháng nghị, khiếu nại, kiến nghị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bản án không căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng bản án vẫn nhận định nội dung: "Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý...", Bản án không rõ ràng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải thích là trái quy định pháp luật. Nội dung kháng cáo thể hiện Chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án nhưng khi Chị L kháng cáo thì Tòa lại xác định Chị L kháng cáo quá hạn

Thứ hai, Bản án gây thiệt hại quyền, lợi ích hợp pháp của Chị L: Tòa án đã bỏ qua các quy định của pháp luật về tiền lương để xác định tiền lương của Chị L không đúng quy định của pháp luật, Tòa án không xem xét việc Chị L làm việc từ năm 2015 đến năm 2018 chỉ được hưởng mức lương bậc 1 là không đúng, gây thiệt hại cho Chị L. Tòa án quyết định việc Công ty đóng bổ sung 5% tiền phụ cấp độc hại đồng nghĩa công nhận Chị L làm việc trong điều kiện độc hại, theo đó, mức lương tối thiểu của Chị L ghi trong HĐLĐ thấp hơn quy đinh của pháp luật ít nhất 5%. Ngoai ra, Chị L được hưởng phụ cấp nhưng Tòa án bỏ qua và chỉ xác định tiền lương của Chị L là mức lương bậc 1 không có phụ cấp lương, không có các khoản bổ sung khác là trái pháp luật, gây thiệt hại cho Chị L. Tòa án xác định tiền lương làm căn cứ đóng BHXH chỉ với mức lương tối thểu bậc 1 mà không đóng BHXH theo bậc lương từng năm, không đóng BHXH với phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác là trái luật, gây thiệt hại cho Chị L. Tòa án bác yêu cầu bồi thường trợ cấp thất nghiệp của Chị L là không đúng, bởi lẽ: Thời hạn nộp hồ sơ hưởng BHTN là 3 tháng kể từ ngày chấm dứt HĐLĐ, tuy nhiên, đến nay đã quá 15 tháng nên dù có đóng bổ sung, Chị L cũng không được hưởng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo trình tự, thủ tục sơ thẩm theo Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, đồng ý đóng cả phần bảo hiểm xã hội còn thiếu của người lao động.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có văn bản đề nghị vẫn giữ nguyên ý kiến tại giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và về nội dung kháng cáo:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn cho rằng bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; sai lầm trong việc xác định, đánh giá chứng cứ và sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Sau khi xem xét bản án sơ thẩm, hồ sơ vụ án và ý kiến kháng cáo của đương sự, Kiểm sát viên thấy như sau:

Nguyên đơn là chị Quách Thị L có kí HĐLĐ với Công ty TNHH ĐV và làm việc tại nhà máy giày LD hoạt động trên địa bàn quận DK, Chị L khởi kiện yêu cầu trả các khoản tiền liên quan đến BHXH, BHYT, BHTN và trợ cấp thôi việc đối với Công ty TNHH ĐV nên thẩm quyền giải quyết sơ thẩm thuộc Toà án nhân dân quận DK là đúng qui định của pháp luật. Tài liệu trong hồ sơ (Hợp đồng lao động, Phụ lục hợp đồng) là tài liệu photo không đảm bảo giá trị pháp lý, tuy nhiên Tòa cấp sơ thẩm đã căn cứ các tài liệu này để giải quyết vụ án là vi phạm. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn đã cung cấp bản chính/bản phô tô có công chứng, chứng thực đảm bảo giá trị pháp lý, về nội dung các tài liệu này giống như các tài liệu photo bị đơn đã cung cấp cho Tòa sơ thẩm. Như vậy, vi phạm của Tòa sơ thẩm đã được Tòa phúc thẩm khắc phục. Việc ủy quyền của các cơ quan BHXH Hải Phòng đã được thực hiện đúng qui định. Tại giai đoạn sơ thẩm, BHXH Hải Phòng đều có văn bản trình bày quan điểm, ý kiến về việc giải quyết vụ án, văn bản xin vắng mặt tại các phiên hòa giải tiếp cận và công khai chứng cứ, vắng mặt tại các phiên tòa sơ thẩm, các văn bản này đều được ông Đào Xuân H2 - Phó giám đốc ký đóng dấu. Vì vậy, những vi phạm của Tòa cấp sơ thẩm không phải là vi phạm nghiêm trọng, không cần hủy án sơ thẩm.

- Đối với yêu cầu truy nộp BHXH cho Chị L: Chị L có ký Hợp đồng học nghề với công ty TNHH ĐV ngày 21/10/2015, với thời gian học nghề là 1 tháng. Hợp đồng lao động số 1520083 ngày 21/11/2015 có thời hạn 36 tháng từ ngày 21/11/2015 đến ngày 20/11/2018, mức lương 3.317.000 đồng, phụ lục hợp đồng kí ngày 01/01/2016 thỏa thuận mức lương là 4.012.500 đồng/tháng. Ngày 02/01/2017 phụ lục hợp đồng thỏa thuận mức lương là 4.258.600 đồng/tháng. Trong hợp đồng lao động hai bên đều có thỏa thuận về việc đóng BHXH, BHYT, BHTN với mức đóng là 32.5% (trong đó người sử dụng lao động đóng 22%, người lao động đóng 10,5%). Sổ BHXH thể hiện: Chị L tham gia BHXH từ tháng 12/2017 như vậy trong thời gian từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017 người lao động và người sử dụng lao động đều không đóng BHXH, BHYT, BHTN với thời gian là 24 tháng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc truy đóng BHXH trong thời gian từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017 là có căn cứ. Trong hợp đồng lao động và các phụ lục về hợp đồng, hai bên có thỏa thuận về việc đóng BHXH, BHYT. Việc truy đóng Bảo hiểm bắt buộc là phù hợp tại điểm 1.1, khoản 1 Điều 38 Quyết định

595/QĐ-BHXH ngày 14/04/2017 về các trường hợp truy thu: *"Trường hợp đơn vị trốn đóng, đóng không đủ số người thuộc diện bắt buộc tham gia, đóng không đủ số tiền phải đóng theo qui định, chiếm dụng tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN (sau đây gọi là trốn đóng) do cơ quan BHXH, BHYT, BHTN, cơ quan thanh tra nhà nước có thẩm quyền kết luận từ ngày 01/01/2016 thì ngoài việc truy thu số tiền phải đóng theo qui định, còn phải truy thu tiền lãi tính trên số tiền, thời gian trốn đóng và mức lãi suất chậm đóng..."* Công ty TNHH ĐV xác nhận Chị L được tham gia bảo hiểm từ ngày 01/12/2015 nhưng do đơn vị chưa lập danh sách tham gia Bảo hiểm cho Chị L nên xin đóng bổ sung thời gian từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017 tổng cộng là 24 tháng cho Chị L. Công ty không xuất trình được tài liệu là Bảng lương thể hiện Công ty đã trích lương của người lao động hay chưa nên lỗi thuộc về Công ty, cần buộc Công ty phải truy đóng BHXH bao gồm của phần của người lao động, đồng thời phải chịu lãi suất chậm đóng theo qui định của pháp luật BHXH. Do đó có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Đối với yêu cầu đóng bổ sung số tiền đóng BHXH, BHYT,BHTN còn thiếu trong các tháng 12/2017 đến hết tháng 6/2018*:* Đối với mức lương đóng BHXH từ tháng 12/2017 đến tháng 6/2018 trong Hồ sơ vụ án thể hiện giữa Công ty và Chị L đã ký kết 01 HĐLĐ số 1510083 vào ngày 21/11/2015 theo đó mức lương thỏa thuận trong hợp đồng là 3.317.000 đồng/tháng. Sau đó 2 bên tiếp tục căn cứ vào HĐLĐ và ký các phụ lục hợp đồng vào các năm 2016, 2017, 2018 để điều chỉnh mức lương (các điều khoản khác trong hợp đồng giữ nguyên) cho Chị L theo đúng qui định. Khoản 2 Điều 45 Nghị định 152/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định: *"Người lao động đóng Bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương, tiền công tháng đóng BHXH là mức tiền lương, tiền công ghi trong hợp đồng lao động."* Khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định: *"Đối với người lao động đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là mức lương và phụ cấp lương theo quy định của pháp luật về lao động."* Theo qui định tại các khoản 1, 2 Điều 17 Nghị định 115/2015/ NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 về Bảo hiểm bắt buộc: *"Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định tại Khoản 2 Điều 89 của Luật Bảo hiểm xã hội được quy định như sau: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là mức lương và phụ cấp lương theo quy định của pháp luật về lao động ghi trong hợp đồng lao động."*. Đối chiếu mức lương đóng BHXH đã đảm

bảo đúng quy định vì Công ty ĐV căn cứ vào mức tiền lương ghi trong hợp đồng lao động ký giữa Chị L và Công ty để đóng BHXH năm 2016, 2018 nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Riêng năm 2017, nguyên đơn được hưởng phụ cấp nặng nhọc độc hại 5% theo PLHĐLĐ nhưng Công ty chưa tính vào lương tham gia BHXH cho Chị L. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị đơn ngoài việc chấp nhận đóng bổ sung 5% phụ cấp vào mức lương tính đóng BHXH (từ tháng 1/2017 đến tháng 11/2017) còn đồng ý đóng cả phần của Chị L (tháng 12/2017) nên ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn.

- Đối với yêu cầu trả tiền lương tháng 6/2018 là 7.350.000 và tiền lãi do chậm trả: Đại diện của bị đơn xác định trong tháng 6/2018 chị L làm việc từ ngày 01 đến ngày 25 tổng là 21 ngày làm việc. Công ty đồng ý trả lương cho chị L bằng 01 tháng lương như đã thỏa thuận trong phụ lục hợp đồng là 4.258.600 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu trả lương tháng 6/2018 là 7.350.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh vì vậy chấp nhận một phần yêu cầu của chị L về việc trả lương tháng 6/2018, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn. Do việc chậm trả tiền lương cho chị L nên bị đơn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự, thời gian tính lãi từ tháng 7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm như bản án sơ thẩm đã xác định là có cơ sở.

- Đối với yêu cầu bồi thường do chị L không được hưởng trợ cấp thất nghiệp cho là 15.120.000 đồng: Về trợ cấp thất nghiệp Công ty đóng bổ sung các khoản BHXH, BHYT, BHTN nên tổng thời gian chị L tham gia BHXH là 31 tháng, do đó chị L được hưởng 03 tháng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Nhưng do Công ty có lỗi đã không tham gia BHXH đúng qui định nên chị L chưa được hưởng TCTN, cần buộc Công ty phải bồi thường cho chị L 03 tháng trợ cấp thất nghiệp. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với khoản này nên đề nghị HĐXX không xem xét. Trợ cấp thôi việc: Chị L làm việc cho Công ty từ 20/10/2015 đến hết tháng 6/2018, Chị L đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 12/2015 đến hết tháng 6/2018 (kể cả thời gian được đóng bổ sung), còn thời gian từ ngày 20/10/2015 đến 21/11/2015 là thời gian thử việc nên Công ty không đóng BHTN cho Chị L. Vì vậy thời gian Chị L được tính trợ cấp thôi việc là 01 tháng, theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Lao động điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định 05/ NĐ-CP ngày 12-01-2015 của Chính phủ thì *"Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm của người lao động được tính theo năm (đủ 12 tháng), trường hợp có tháng lẻ thì từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được tính bằng 1/2 năm....."* như vậy bị đơn phải trả tiền trợ cấp thôi việc của Chị L là ¼ tháng lương 4.258.000:4 = 1.064.500 đồng và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật. Phía bị đơn là Công ty đồng ý trả tiền số tiền trợ cấp thôi việc và tiền lãi cho Chị L như trên nên ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn như bản án sơ thẩm là phù hợp.

- Do đó, kháng cáo của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận một phần, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH ĐV phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN chưa đóng cho người lao động tương ứng với thời gian chưa đóng và chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho chị Quách Thị L:

- Buộc Công ty TNHH ĐV phải nộp bổ sung BHXH, BHYT, BHTN của chị Quách Thị L cho Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng từ thời gian tháng 12 năm 2015 đến hết tháng 12 năm 2017 như sau: Năm 2015: 01 tháng x 3.317.000 đồng x 32,5% = 1.078.025 đồng; Năm 2016: 12 tháng x 3.745.000 đồng x 32,5% = 14.605.500 đồng; Từ tháng 01 đến tháng 11 năm 2017: 11 tháng x 4.213.125 đồng x 32,5% = 15.149.062 đồng; Tháng 12 năm 2017: 200.625 đồng x 32,5% x 01 tháng = 65.202 đồng. Công ty TNHH ĐV còn phải chịu lãi suất do chậm đóng BHXH với lãi suất theo quy định của pháp luật BHXH tương ứng với thời gian chậm đóng.

- Buộc Công ty TNHH ĐV phải trả lương của tháng 6/2018 cho chị Quách Thị L là 4.258.600 đồng và 603.300 đồng tiền lãi chậm trả tính từ tháng 7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Buộc Công ty TNHH ĐV phải trả tiền trợ cấp thôi việc cho chị Quách Thị L là 1.064.500 đồng và 141.950 đồng tiền lãi chậm trả tính từ tháng 7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Buộc Công ty ĐV phải bồi thường 3 tháng trợ cấp thất nghiệp cho chị Quách Thị L số tiền là 4.258.600 đồng (Trung bình lương 6 tháng trước khi thất nghiệp) x 3 tháng x 60% = 7.655.480 đồng.

Tổng cộng Công ty TNHH ĐV phải trả chi chị Quách Thị L là 13.742.830 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa.

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp về BHXH, BHYT, BHTN và trợ cấp thôi việc khi chấm dứt HĐLĐ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng vắng mặt tại phiên

tòa và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về các yêu cầu khởi kiện

[3] Đối với yêu cầu buộc Công ty ĐV phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 10/2015 đến hết tháng 11/2017 và đóng bổ sung tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN còn thiếu từ tháng 12/2017 đến hết tháng 6/2018: Về đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN: Theo khoản 1 Điều 2 Luật BHXH năm 2014 quy định đối tượng thuộc diện tham gia BHXH: "*"1. Người lao động là công dân Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bao gồm: a) Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng, kể cả hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động; b) Người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng;...."* Theo khoản Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 quy định về đối tượng tham gia BHYT: "*Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên theo quy định của pháp luật về lao động...".* Ngoài ra, theo điểm b khoản 1 Điều 43 Luật Việc làm 2013: "*Người lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp khi làm việc theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc như sau: ...b) Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc xác định thời hạn..."*

[4] Ngày 21/10/2015, Công ty ĐV ký hợp đồng học nghề với chị Quách Thị L với thời gian học nghề 1 tháng (từ 21/10/2015 đến 21/11/2015). Hợp đồng học nghề là một dạng của HĐLĐ, tuy nhiên, thời hạn của Hợp đồng chỉ có 01 tháng và trong Hợp đồng học nghề, các bên không thỏa thuận về việc đóng BHXH, BHYT, BHTN; do đó, Công ty không phải có trách nhiệm đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN cho Chị L trong thời gian học nghề.

[5] Ngày 21/11/2015 Công ty ĐV và chị Quách Thị L ký HĐLĐ xác định thời hạn 3 năm với Chị L, theo các quy định trên thì kể từ thời điểm bắt đầu làm việc theo HĐLĐ, Chị L đã thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Tuy nhiên, theo xác nhận BHXH thành phố Hải Phòng thì Chị L bắt đầu đóng BHXH, BHTN là từ tháng 12/2017. Như vậy, Công ty ĐV đã đóng thiếu BHXH, BHYT, BHTN cho Chị L từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017 nên phải có trách nhiệm truy nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN cho Chị L trong khoảng thời gian trên.

[6] Theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc Ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn

lao động - bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế, các trường hợp truy thu bao gồm: *Truy thu do trốn đóng (trường hợp đơn vị trốn đóng, đóng không đủ số người thuộc diện bắt buộc tham gia, đóng không đủ số tiền phải đóng theo quy định, chiếm dụng tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN); truy thu đối với người lao động sau khi chấm dứt HĐLĐ về nước truy đóng BHXH cho thời gian đi làm việc ở nước ngoài theo HĐLĐ chưa đóng; truy thu do điều chỉnh tăng tiền lương đã đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động; các trường hợp khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền*. Vì vậy, việc trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN cho Chị L từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017 là hoàn toàn do lỗi của Công ty đã đóng không đủ số người thuộc diện bắt buộc tham gia, đây là trường hợp phải truy thu do trốn đóng.

[7] Về mức đóng BHXH, BHYT, BHTN: Theo Quyết định 959/QĐ-BHXH ngày 09/9/2015 về việc ban hành quy định về quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT, mục 1.1 khoản 1 Điều 4 về đối tượng tham gia BHXH quy định: *"1. Người lao động là công dân Việt Nam thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, bao gồm: 1.1. Người làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn, HĐLĐ xác định thời hạn, HĐLĐ theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng, kể cả HĐLĐ được ký kết giữa đơn vị với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động;"* Theo mục 1.1 khoản 1 và mục 2.1 khoản 2 Điều 5 quy định về mức đóng BHXH: *"1. Mức đóng và trách nhiệm đóng của người lao động: 1.1. Người lao động quy định tại Điểm 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, Khoản 1 Điều 4, hằng tháng đóng bằng 8% mức tiền lương tháng vào quỹ hưu trí và tử tuất….2. Mức đóng và trách nhiệm đóng của đơn vị: 2.1. Đơn vị hằng tháng đóng trên quỹ tiền lương đóng BHXH của người lao động quy định tại các Điểm 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 Khoản 1 Điều 4 như sau: a) 3% vào quỹ ốm đau và thai sản; b) 1% vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; c) 14% vào quỹ hưu trí và tử tuất."* Tại khoản 1 Điều 18 quy định về mức đóng, trách nhiệm đóng BHYT của các đối tượng thì: "*1. Đối tượng tại Điểm 1.1, 1.2, Khoản 1 Điều 17: mức đóng hằng tháng bằng 4,5% mức tiền lương tháng, trong đó người sử dụng lao động đóng 3%; người lao động đóng 1,5%. Tiền lương tháng đóng BHYT là tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc quy định tại Điều 6*." Tại Điều 14 quy định về mức đóng và trách nhiệm đóng BHTN được quy định như sau: "*1. Người lao động đóng bằng 1% tiền lương tháng; 2. Đơn vị đóng bằng 1% quỹ tiền lương tháng của những người lao động đang tham gia BHTN; 3. Nhà nước hỗ trợ tối đa 1% quỹ tiền lương tháng đóng BHTN của những người lao động đang tham gia BHTN và do ngân sách trung ương bảo đảm."* Như vậy, hàng tháng, người lao động, người sử dụng lao động phải đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động với mức đóng: người lao động phải đóng 8% + 1,5% + 1% = 10,5% mức tiền lương tháng để đóng BHXH,

BHYT, BHTN; người sử dụng lao động phải đóng 3%+1%+14%+3% + 1% = 22% mức tiền lương tháng để đóng BHXH, BHYT, BHTN. Tuy nhiên, do Công ty ĐV hoàn toàn có lỗi trong việc trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN cho Chị L nên Công ty phải có trách nhiệm đóng toàn bộ số tiền trốn đóng là *32,5% mức tiền lương hàng tháng* cho Cơ quan BHXH (bao gồm cả số tiền Chị L phải chịu khi đóng). Mặt khác, do Công ty không cung cấp được Bảng lương thể hiện việc đã trích tiền BHXH, BHYT, BHTN cho Chị L nên Công ty phải chịu truy nộp toàn bộ số tiền BHXH, BHYT, BHTN bao gồm cả phần của người lao động.

[8] Về mức lương làm căn cứ đóng BHXH, BHYT, BHTN: Theo mục 2.1 khoản 2 Điều 6 Quyết định 959/QĐ-BHXH ngày 09/9/2015 về việc ban hành quy định về quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT: "*2. Tiền lương do đơn vị quyết định: 2.1. Người lao động thực hiện chế độ tiền lương do đơn vị quyết định thì tiền lương tháng đóng BHXH là tiền lương ghi trong HĐLĐ. Từ 01/01/2016, tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương và phụ cấp lương theo quy định của pháp luật lao động. Từ ngày 01/01/2018 trở đi, tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật lao động.*"

[9] Theo đó, tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN của Chị L là: Theo Hợp đồng lao động ngày 21/11/2015, mức lương ghi trong HĐLĐ là 3.317.000 đồng. Theo các phụ lục Hợp đồng thì từ ngày 01/01/2016 đến 02/01/2017, tiền lương tháng đóng BHXH của Chị L là 3.745.000 đồng (không có phụ cấp); từ ngày 02/01/2017 đến ngày 02/01/2018, mức lương của Chị L là 4.012.500 đồng, phụ cấp nặng nhọc, độc hại là 5% x 4.012.500 = 200.625 đồng, tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN là 4.012.500 + 200.625 = 4.237.500 đồng; từ ngày 02/01/2018 đến hết tháng 6/2018, tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN Chị L là 4.258.600 đồng (không có phụ cấp).

[10] Như vậy, Công ty TNHH ĐV phải có trách nhiệm truy đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN cho Chị L từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017 như sau: Năm 2015: 01 tháng x 3.317.000 đồng x 32,5% = 1.078.025 đồng; Năm 2016: 12 tháng x 3.745.000 đồng x 32,5% = 14.605.500 đồng; Năm 2017: 11 tháng x 4.237.500 đồng x 32,5% = 15.149.062 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty ĐV phải truy nộp đóng BHXH, BHYT, BHTN cho Chị L là 30.832.587 đồng.

[11] Về yêu cầu đóng bổ sung số tiền BHXH, BHYT, BHTN còn thiếu trong các tháng từ tháng 12/2017 đến hết tháng 6/2018: Theo mức lương làm căn cứ đóng BHXH, BHYT, BHTN như đã trình bày thì tháng 12/2017, mức lương của Chị L là 4.012.500 đồng, phụ cấp nặng nhọc, độc hại là 5% x 4.012.500 = 200.625 đồng, tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN là 4.012.500 + 200.625 = 4.237.500 đồng. Tuy nhiên, theo xác nhận của BHXH thành phố Hải Phòng thì

công ty ĐV đóng BHXH, BHYT, BHTN cho chị với mức lương là 4.012.500 như vậy, mức đóng BHXH, BHYT, BHTN đã thiếu khoản phụ cấp 5% độc hại, nặng nhọc. Mặt khác, việc đóng thiếu BHXH, BHYT, BHTN không thuộc trường hợp người lao động đi lao động từ nước ngoài về hay điều chỉnh tăng lương do lương của Chị L tăng từ tháng 1/2017, do đó, việc đóng thiếu BHXH, BHYT, BHTN là lỗi của Công ty ĐV và Công ty ĐV cũng không cung cấp được bảng lương thể hiện việc đã trích trừ số tiền BHXH, BHYT, BHTN khi trả lương cho Chị L, nên Công ty ĐV phải chịu toàn bộ số tiền đóng thiếu BHXH, BHYT, BHTN tháng 12/2017 là 200.625 x 32,5% = 65.203 đồng. Số tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2018 đã được Công ty ĐV căn cứ vào mức lương thỏa thuận trên phụ lục hợp đồng để đóng BHXH, BHYT, BHTN cho Chị L là đúng quy định của pháp luật.

[12] Như vậy, tổng số tiền Công ty ĐV phải truy nộp tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017 và nộp bổ sung tiền BHXH, BHYT còn thiếu tháng 12/2017 là 30.832.587 đồng + 65.203 đồng = 30.897.790 đồng. Ngoài ra, Công ty ĐV còn phải chịu lãi suất do chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT với lãi suất theo quy định của pháp luật BHXH tương ứng với thời gian chậm đóng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Chị L phải truy đóng BHXH, BHYT, BHTN trong từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017, đóng bổ sung BHXH, BHYT, BHTN tháng 12/2017 và số tiền lãi phát sinh khi Công ty không cung cấp được bảng lương là chưa đúng quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền công ty ĐV truy đóng BHXH, BHYT, BHTN còn thiếu và đóng bổ sung cho Chị L.

[13] Đối với yêu cầu trả tiền lương tháng 6/2018: Bị đơn thừa nhận việc chưa trả tiền lương tháng 6/2018 cho chị Dịu và đồng ý trả bổ sung cùng với tiền lãi của việc chậm trả. Do đó có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, tuy nhiên, về số tiền lương, do nguyên đơn không chứng minh được số tiền lương của Chị L là 7.350.000 đồng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận số tiền lương ghi trên hợp đồng là 4.258.600 đồng là có căn cứ và đúng quy định. Do đó, số tiền lương tháng 6/2018 và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm mà Công ty ĐV phải trả cho Chị L là 4.258.600 đồng + 4.258.600 x 10%/năm x 1 năm 5 tháng = 4.861.900 đồng.

[14] Đối với yêu cầu Công ty phải trả trợ cấp thôi việc cho Chị L hoặc phải bồi thường trợ cấp thất nghiệp đáng ra Chị L được hưởng trong thời gian 33 tháng: Như đã phân tích trên, chị Quách Thị L thuộc đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm thất nghiệp, bị đơn cũng thừa nhận đã đóng thiếu BHXH, BHYT, BHTN cho Chị L trong thời gian từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017 (24 tháng). Theo BHXH thành phố Hải Phòng thì Công ty mới chỉ đóng BHTN cho Chị L từ tháng 12/2017 đến tháng 6/2018 (7 tháng). Việc không đóng BHTN đầy đủ cho Chị L là lỗi hoàn toàn của Công ty dẫn tới việc tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động, Chị L

không đủ thời gian đóng BHTN để được hưởng trợ cấp thất nghiệp. Theo Điều 49 Luật Việc làm về điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp thì người lao động đang đóng BHTN được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: *Người lao động quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật này đang đóng bảo hiểm thất nghiệp được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:*

1. Chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, trừ các trường hợp sau đây: a) Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trái pháp luật; b) Hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng;

2. Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 43 của Luật này; đã đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 36 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 43 của Luật này;

3. Đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Luật này;

4. Chưa tìm được việc làm sau 15 ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp, trừ các trường hợp sau đây: a) Thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; b) Đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên; c) Chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; d) Bị tạm giam; chấp hành hình phạt tù; đ) Ra nước ngoài định cư; đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng; e) Chết."

[15] Công ty ĐV mới chỉ đóng BHTN cho Chị L từ tháng 12/2017 đến tháng 6/2018 là 7 tháng nên Chị L chưa đủ điều kiện để được hưởng BHTN; bên cạnh đó, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, đã quá thời hạn 03 tháng kể từ ngày chấm dứt HĐLĐ (theo khoản 1 Điều 46 Luật Việc làm) nên nếu Công ty có truy nộp tiền BHTN cho Chị L thì Chị L cũng không đủ điều kiện để được hưởng trợ cấp thất nghiệp. Do đó, việc Chị L không được hưởng trợ cấp thất nghiệp là do lỗi của Công ty. Công ty phải có trách nhiệm bồi thường cho Chị L số tiền BHTN mà đáng ra Chị L phải được nhận, cụ thể như sau: Do Chị L bắt đầu làm việc tại Công ty ĐV từ ngày 21/11/2015 đến hết tháng 6/2018 thì chấm dứt hợp đồng lao động. Theo quy định của pháp luật thì Công ty phải đóng BHTN cho Chị L từ tháng 12/2015 đến tháng 6/2018 là 31 tháng. Theo Điều 50 Luật Việc làm về mức, thời gian, thời điểm hưởng trợ cấp thất nghiệp: "*1. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng bằng 60% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 06 tháng liền kề trước khi thất nghiệp nhưng tối đa không quá 05 lần mức lương cơ sở đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định hoặc không quá 05 lần mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Bộ luật lao động đối với người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp theo chế*

độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc. 2. Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính theo số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, cứ đóng đủ 12 tháng đến đủ 36 tháng thì được hưởng 03 tháng trợ cấp thất nghiệp, sau đó, cứ đóng đủ thêm 12 tháng thì được hưởng thêm 01 tháng trợ cấp thất nghiệp nhưng tối đa không quá 12 tháng". Như vậy, nếu Công ty ĐV đóng đầy đủ tiền BHTN cho Chị L thì được 31 tháng nên sẽ được hưởng 03 tháng trợ cấp thất nghiệp. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 06 tháng liền kề trước khi thất nghiệp của Chị L (từ tháng 01/2018 đến tháng 06/2018) là 4.258.600 đóng (theo mức lương ghi trong phụ lục Hợp đồng); do đó, số tiền trợ cấp thất nghiệp đáng ra Chị L được hưởng là: 03 tháng x 4.258.600 đồng x 60% = 7.665.480 đồng. Do lỗi của Công ty không đóng đủ số tháng nên Chị L không được hưởng, do đó phải buộc Công ty bồi thường cho Chị L số tiền này. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu bồi thường số tiền trợ cấp thất nghiệp đáng ra Chị L được hưởng mà không đề nghị tính lãi nên Tòa án không xem xét việc tính lãi đối với yêu cầu này của Chị L. Do đã buộc Công ty phải bồi thường số tiền trợ cấp thất nghiệp mà Chị L đáng ra được hưởng nên không buộc Công ty phải truy nộp lại số tiền BHTN đã đóng thiếu cho Chị L.

[16] Theo Điều 48 Bộ luật Lao động và điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động và thời gian Chị L làm việc cho Công ty từ ngày 20/10/2015 đến hết tháng 6/2018 (tính tháng 11/2015 là thời gian thử việc). Công ty đã đóng BHTN cho Chị L từ tháng 12/2017 đến hết tháng 6/2018 và bị buộc phải truy nộp cho Chị L số tiền BHTN đã đóng thiếu từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017 nên thời gian làm việc của Chị L được tính BHTN là 01 tháng. Mức lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân theo HĐLĐ của 06 tháng liền kề trước khi người lao động thôi việc (tiền lương trung bình 6 tháng năm 2018) là 4.258.600 đồng. Như vậy, tiền trợ cấp thôi việc của Chị L là: ½ x 4.258.600 x 1/2 năm = 1.064.650 đồng. Do việc chậm trả tiền trợ cấp thôi việc cho Chị L nên Công ty phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, thời gian tính lãi từ tháng 7/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 1 năm 5 tháng, số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 1.064.650 x 1 năm 5 tháng x 10%/năm = 150.800 đồng. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc bị đơn phải truy nộp số tiền BHTN chưa đóng từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017 mà không phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền trợ cấp thất nghiệp mà đáng ra nguyên đơn được hưởng là chưa đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Bởi lẽ, trách nhiệm đóng BHTN là của người sử dụng lao động nên phải có trách nhiệm truy đóng số tiền này theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, do việc trốn đóng BHTN của người sử dụng lao động dẫn đến việc người lao động đã không thể nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại trung tâm dịch vụ việc làm do cơ quan quản lý Nhà nước về việc làm thành lập theo quy định của pháp luật nên người sử dụng lao

động phải có trách nhiệm bồi thường cho người lao động do hành vi của mình gây ra.

[17] Như vậy, từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc hủy bản án lao động sơ thẩm, tuy nhiên, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về việc về việc truy đóng BHXH, BHYT, BHTN của Chị L từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017 và đóng bổ sung tiền BHXH, BHYT, BHTN còn thiếu cho Chị L tháng 12/2017 theo hướng buộc công ty ĐV phải chịu truy đóng cả phần của Chị L và phải chịu toàn bộ tiền lãi tính trên số tiền, thời gian trốn đóng và mức lãi suất chậm đóng theo quy định của pháp luật.

- *Về án phí lao động:* Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[18] Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH ĐV phải chịu 687.142 đồng án phí lao động sơ thẩm. Chị Quách Thị L không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

[19] Án phí lao động phúc thẩm: Do một phần kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 48, Điều 186 Bộ luật Lao động; Căn cứ các Điều 91, 92, 94 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006; các Điều 85, 86, 87, 89 Luật BHXH năm 2016; Căn cứ các Điều 49, 50 Luật Việc làm; Căn cứ Nghị định 05/2015/NĐ-CP; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Căn cứ Điều 4, 5, 14, 18 Quyết định 959/QĐ-BHXH ngày 09/9/2015 về việc ban hành quy định về quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; sửa Bản án sơ thẩm; cụ thể:

1. Công ty TNHH ĐV phải truy nộp tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 12/2015 đến tháng 11/2017 và nộp bổ sung tiền BHXH, BHYT, BHTN còn thiếu tháng 12/2017 cho chị Quách Thị L là:

Năm 2015: 01 tháng x 3.317.000 đồng x 32,5% = 1.078.025 đồng

Năm 2016: 12 tháng x 3.745.000 đồng x 32,5% = 14.605.500 đồng

Năm 2017: 11 tháng x 4.237.500 đồng x 32,5% = 15.149.062 đồng.

Tháng 12 năm 2017: 200.625 đồng x 32,5% x 01 tháng = 65.203 đồng.

Ngoài số tiền trên, Công ty TNHH ĐV còn phải chịu tiền lãi do chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN với lãi suất theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng.

Khi Công ty TNHH ĐV đóng đủ các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho chị Quách Thị L thì Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng có trách nhiệm cấp sổ BHXH và ghi nhận quá trình đóng BHXH cho chị Quách Thị L.

2. Buộc Công ty TNHH ĐV phải bồi thường và trả cho chị Quách Thị L các khoản tiền sau:

- Công ty TNHH ĐV phải bồi thường cho chị Quách Thị L số tiền trợ cấp thất nghiệp là 7.665.480 đồng;

- Công ty TNHH ĐV phải trả cho chị Quách Thị L số tiền trợ cấp thôi việc và tiền lãi chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.215.450 đồng và phải thanh toán cho Chị L tiền lương còn thiếu tháng 6/2018 và tiền lãi chậm trả đến ngày xét xử là 4.861.900 đồng.

Tổng cộng số tiền công ty TNHH ĐV phải trả cho chị Quách Thị L là 13.742.830 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí:

- Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH ĐV phải chịu 678.000 đồng án phí lao động sơ thẩm. Chị Quách Thị L không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

- Án phí lao động phúc thẩm: Chị Quách Thị L không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận DK;
- TAND quận DK;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà